



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03266/2025/PKQ (1797.01W2504.0456)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : KS_12B -Đầu Ngõ 167 Quang Tiến
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 10/04/2025
Thời gian thử nghiệm : 10/04/2025 - 18/04/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,3	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
5.	Mùi, vị ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 &2160: 2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,56	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2

Ghi chú:

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- 01W2504.0456: KS_12B -Đầu Ngõ 167 Quang Tiến
- (a): Thông số được Vilas công nhận;

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Phạm Hải Long

QA/QC

Phạm Hải Long

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Quang Ninh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03267/2025/PKQ (1797.01W2504.0457)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : KS_DN250_PhuDo -Ngã Tư Mễ Trì - Lê Quang Đạo
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 10/04/2025
Thời gian thử nghiệm : 10/04/2025 - 18/04/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,54	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
5.	Mùi, vị ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,42	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2

Ghi chú:

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- 01W2504.0457: KS_DN250_PhuDo -Ngã Tư Mễ Trì - Lê Quang Đạo
- (a): Thông số được Vilas công nhận;

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2025

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Phạm Hải Long

QA/QC

Phạm Hải Long



Nguyễn Quang Ninh



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03268/2025/PKQ (1797.01W2504.0458)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CỔ PHẦN VIWACO
Địa chỉ : Tầng 1, Nhà 17T7 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính – P. Nhân Chính - Q. Thanh Xuân - Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc : KS_1C - Ngã Tư Hồ Tùng Mậu - Lê Đức Thọ
Loại mẫu : Nước sạch
Tình trạng mẫu : PE 1,0L bảo quản lạnh
Số lượng mẫu : TT 0,1L bảo quản lạnh
Thời gian lấy mẫu : 01
Thời gian thử nghiệm : 10/04/2025
Thời gian thử nghiệm : 10/04/2025 - 18/04/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT
					Ngưỡng giới hạn cho phép
1.	Coliform ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	<3
2.	E.Coli ^(a)	CFU/100mL	TCVN 6187-1: 2019	KPH	< 1
3.	Clo dư tự do ^(a)	mg/L	SMEWW 4500 Cl G: 2023	0,48	Trong khoảng 0,2-1,0
4.	Màu sắc ^(a)	TCU	SMEWW 2120 B: 2023	<5	15
5.	Mùi, vị ^(a)	-	ISTEE.MV: 2024 (Ref. SMEWW 2150 & 2160: 2023)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
6.	pH ^(a)	-	TCVN 6492: 2011	7,41	trong khoảng 6,0-8,5
7.	Độ đục ^(a)	NTU	SMEWW 2130B: 2023	<1	2

Ghi chú:

- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- 01W2504.0458: KS_1C - Ngã Tư Hồ Tùng Mậu - Lê Đức Thọ
- (a): Thông số được Vilas công nhận;

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2025

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Phạm Hải Long

QA/QC

Phạm Hải Long

